

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 87

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 17)

Trong này, tùy miên đối với các tùy miên, là sở duyên ràng buộc và tương ứng ràng buộc, rộng hẹp không như nhau, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là sở duyên ràng buộc chứ không phải là tương ứng ràng buộc, đó là Vô minh bất cộng duyên hữu lậu.

2. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là tương ứng ràng buộc chứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là trừ ra Vô minh bất cộng duyên vô lậu, còn lại các tùy miên duyên vô lậu.

3. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là sở duyên ràng buộc cũng là tương ứng ràng buộc, đó là trừ ra Vô minh bất cộng duyên hữu lậu, còn lại các tùy miên duyên hữu lậu. Đây là nói chung, nếu nói riêng thì hoặc đối với nó là sở duyên ràng buộc, tức là đối với nó không phải là tương ứng ràng buộc; nếu đối với nó là tương ứng ràng buộc, thì đối với nó không phải là sở duyên ràng buộc.

4. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên không phải là sở duyên ràng buộc cũng không phải là tương ứng ràng buộc, đó là Vô minh bất cộng duyên vô lậu.

Ở trong nghĩa này, Vụ Tôn giả nói bốn câu phân biệt có khác:

1. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là sở duyên ràng buộc chứ không phải là tương ứng ràng buộc, đó là nó duyên với Vô minh bất cộng của địa mình chưa đoạn.

2. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là tương ứng ràng buộc chứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là trừ ra duyên với địa mình -cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc Vô minh bất cộng duyên

vô lậu, còn lại các duyên của địa mình-cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc tùy miên duyên vô lậu chưa đoạn.

3. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên là sở duyên ràng buộc cũng là tương ứng ràng buộc, đó là trừ ra địa mình duyên với Vô minh bất cộng kia, còn lại các tùy miên chưa đoạn kia duyên với địa mình. Đây tức là nói chung, nếu nói riêng thì hoặc đối với nó là sở duyên ràng buộc, tức là đối với nó không phải là tương ứng ràng buộc; nếu đối với nó là tương ứng ràng buộc, thì đối với nó không phải là sở duyên ràng buộc.

4. Hoặc có tùy miên, đối với các tùy miên không phải là sở duyên ràng buộc cũng không phải là tương ứng ràng buộc, đó là các tùy miên đã đoạn. Giả sử chưa đoạn, hoặc là tùy miên của địa khác, hoặc duyên với địa mình-cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc Vô minh bất cộng duyên vô lậu.

Hỏi: Nếu các tùy miên có Tâm-có Tứ, thì nó đối với pháp có Tâm-có Tứ là sở duyên ràng buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có các tùy miên, có Tâm-có Tứ mà đối với pháp có Tâm-có Tứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ mà đã đoạn, giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc duyên vô lậu.

2. Có các tùy miên, đối với pháp có Tâm-có Tứ là sở duyên ràng buộc mà không phải là có Tâm-có Tứ, đó là các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, là duyên hữu lậu mà duyên với nó chưa đoạn.

3. Có các tùy miên, có Tâm-có Tứ cũng đối với pháp có Tâm-có Tứ là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ, là duyên hữu lậu của địa mình mà duyên với nó chưa đoạn.

4. Có các tùy miên không phải là có Tâm-có Tứ, cũng đối với pháp có Tâm-có Tứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ mà đã đoạn; giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc duyên vô lậu và các tùy miên không có Tâm-không có Tứ.

Hỏi: Nếu các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, thì nó đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ là sở duyên ràng buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có các tùy miên không có Tâm-có Tứ, mà đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên không có các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ mà đã đoạn; giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc duyên vô lậu.

2. Có các tùy miên đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ là sở duyên ràng buộc, mà không phải là không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ, là duyên hữu lậu của địa mình mà duyên với nó chưa đoạn.

3. Có các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, cũng đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, là duyên hữu lậu duyên với nó chưa đoạn.

4. Có các tùy miên không phải là không có Tâm-chỉ có Tứ, cũng đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ không phải là sở duyên ràng buộc, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ mà đã đoạn; giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc duyên vô lậu, như các tùy miên có Tâm-có Tứ mà là địa khác, và các tùy miên không có Tâm-không có Tứ.

Hỏi: Nếu các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, thì nó đối pháp không có Tâm-không có Tứ là sở duyên ràng buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, mà không phải là sở duyên ràng buộc đối với pháp không có Tâm-không có Tứ, đó là các tùy miên không có Tâm-không có Tứ mà đã đoạn; giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên vô lậu.

2. Có các tùy miên là sở duyên ràng buộc đối với pháp không có Tâm-không có Tứ, mà không phải là không có Tâm-không có Tứ, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ, hoặc không có Tâm-chỉ có Tứ, là duyên hữu lậu của địa mình mà duyên đó chưa đoạn.

3. Có các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, cũng là sở duyên ràng buộc đối với pháp không có Tâm-không có Tứ, đó là các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, là duyên hữu lậu của địa mình mà duyên đó chưa đoạn.

4. Có các tùy miên không phải là không Tâm-không có Tứ, cũng

không phải là sở duyên ràng buộc đối với pháp không có Tâm-không có Tứ, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ, hoặc không có Tâm-chỉ có Tứ mà đã đoạn; giả sử chưa đoạn mà duyên với cõi khác, hoặc duyên với địa khác, hoặc duyên với cõi mình-cõi khác, hoặc duyên với pháp khác của địa mình, hoặc duyên vô lậu.

Hỏi: Nếu các tùy miên có Tâm-có Tứ, thì nó đối với pháp có Tâm-có Tứ là tương ứng ràng buộc chăng?

Đáp: Nếu các tùy miên đối với pháp có Tâm-có Tứ là tương ứng ràng buộc thì nó chắc chắn có Tâm có Tứ. Hoặc có tùy miên có Tâm-có Tứ, mà đối với pháp có Tâm-có Tứ không phải là tương ứng ràng buộc, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ mà đã đoạn.

Hỏi: Nếu các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, thì nó đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ là tương ứng ràng buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, mà đối pháp không có Tâm-chỉ có Tứ không phải là tương ứng ràng buộc, đó là các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ mà đã đoạn.

2. Có các tùy miên đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ là tương ứng ràng buộc, mà không phải là không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ, là tương ứng ràng buộc đối pháp không có Tâm-chỉ có Tứ.

3. Có các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ, cũng là tương ứng ràng buộc đối với pháp không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là các tùy miên không có Tâm-chỉ có Tứ mà chưa đoạn.

4. Có các tùy miên không phải là không có Tâm-chỉ có Tứ, cũng không phải là tương ứng ràng buộc đối với không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là các tùy miên có Tâm-có Tứ mà đã đoạn, và các tùy miên không có Tâm-không có Tứ.

Hỏi: Nếu các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, thì nó là tương ứng ràng buộc đối với pháp không có Tâm-không có Tứ ràng buộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có các tùy miên không có Tâm-không có Tứ, mà đối với pháp không có Tâm-không có Tứ không phải là tương ứng ràng buộc, đó là các tùy miên không có Tâm-không có tứ mà đã đoạn.

2. Có các tùy miên đối với pháp không có Tâm-không có Tứ, là tương ứng ràng buộc mà không phải là không có Tâm-không có Tứ, đó là các tùy miên không có Tâm chỉ có Tứ, đối với pháp không có Tâm-

chỉ có Tứ là tương ứng ràng buộc.

3. Có các tùy miên không có Tầm-không có Tứ, cũng đối với pháp không có Tầm-không có Tứ là tương ứng ràng buộc, đó là các tùy miên không có Tầm-không có Tứ mà chưa đoạn.

4. Có các tùy miên không phải là không có Tầm-không có Tứ, cũng không phải là tương ứng ràng buộc đối với pháp không có Tầm-không có Tứ, đó là các tùy miên không có Tầm-chỉ có Tứ mà đã đoạn, và các tùy miên có Tầm-có Tứ.

Hỏi: Có thể có pháp là hữu lậu-là tâm sở, không có Tầm-chỉ có Tứ, chưa đoạn-chưa biết khắp, mà không phải là tùy miên tùy tăng của không có Tầm-chỉ có Tứ chăng?

Đáp: Có, đó là Tầm của cõi Dục.

Hỏi: Có thể có pháp là hữu lậu-là tâm sở, không có Tầm-chỉ có Tứ, chưa đoạn-chưa biết khắp, mà làm tùy miên tùy tăng của có Tầm-có Tứ chăng?

Đáp: Có, đó là Tầm của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất.

Hỏi: Có thể có pháp là hữu lậu-là tâm sở, không có Tầm-không có Tứ, mà không phải là tùy miên tùy tăng của không có Tầm-không có Tứ chăng?

Đáp: Có, đó là Tứ của Tĩnh lự trung gian.

Hỏi: Có thể có tụ, cùng lúc sinh, cùng lúc Trú, cùng lúc Diệt, cùng sở y, cùng sở duyên, cùng hành tướng, sinh thì cùng sinh, diệt thì cùng diệt, mà tùy miên đối với nó có lúc là tương ứng ràng buộc, có lúc không phải là tương ứng ràng buộc chăng?

Đáp: Có, đó là tụ Vô minh bất cộng; Vô minh đối với nó có lúc là tương ứng ràng buộc, đó là pháp tương ứng với Vô minh; có lúc không phải là tương ứng ràng buộc, đó là đối với tự tánh của Vô minh.

Nhãn căn cho đến tùy miên Vô minh do tương ứng mà đoạn thuộc cợ Vô sắc, duyên thức và duyên thức, ở trong chín mười tám tùy miên, mỗi một loại có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh nghĩa. Nghĩa là phái Thí Dụ đưa ra cách nói như vậy: Cảnh sở duyên của sáu thức thân như Nhãn... khác nhau. Họ nói ý thức có sở duyên riêng biệt, không duyên với sở duyên của năm thức như nhãn... Lại nói sáu thức chỉ duyên với ngoại cảnh, không duyên với nội căn cũng không duyên với thức. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày sở duyên của năm thức trước khác nhau, chỉ duyên với ngoại cảnh chứ không duyên

với căn-Thức, sở duyên của ý thức cùng với cảnh của năm thức, có giống nhau-có khác nhau cũng duyên với nội căn-cũng duyên với các thức. Lại nữa, vì muốn hiển bày rõ ràng về chánh lý của các pháp giúp cho người khác biết rõ ràng, cho nên soạn ra luận này.

Nên biết trong này các pháp sở duyên có mười sáu loại, nghĩa là ba cõi đều có năm bộ, và pháp vô lậu. Các thức năng duyên cũng có mười sáu loại khác nhau như vậy.

Hỏi: Trong này pháp nào có mấy thức sở duyên?

Đáp: Pháp do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục có năm thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
3. Thức thiện và vô phú vô ký do tương ứng mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.
5. Thức vô lậu thuộc phẩm pháp trí.

Pháp do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, năm thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là Thức tương ứng với tất cả do tùy miên kiến Tập mà đoạn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn.

Pháp do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi dục có sáu thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
3. Thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.
5. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.
6. Thức vô lậu thuộc phẩm Pháp trí.

Pháp do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, sáu thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Đạo mà đoạn.

Pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục có năm thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.

3. Thức thiện và nhiễm ô-vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.

4. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.

5. Thức vô lậu thuộc phẩm Pháp trí.

Pháp do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc có tám thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.

3. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.

4. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.

5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc.

6. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.

7. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

8. Thức vô lậu thuộc phẩm Loại trí.

Pháp do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, tám thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn.

Pháp do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc có chín thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.

3. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.

4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.

5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc.

6. Thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc.

7. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.

8. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

9. Thức vô lậu thuộc phẩm Loại trí.

Pháp do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc, chín thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc.

Pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc có tám thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
3. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.
5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc.
6. Thức thiện và nhiễm ô - vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.
7. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.
8. Thức vô lậu thuộc phẩm Loại trí.

Pháp do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc có mười thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
3. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.
5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc.
6. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.
7. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.
8. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến tùy Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc;
9. Thức thiện và vô phú vô phú vô lý do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.
10. Thức vô lậu thuộc phẩm Loại trí.

Pháp do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, mười thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tất cả tùy miên

do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến khổ mà đoạn.

Pháp do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc có mười một thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
3. Thức thiện do tương ứng mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.
5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc.
6. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc.
7. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.
8. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.
9. Thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi vô sắc.
10. Thức thiện và vô phú vô ký do tương ứng mà đoạn thuộc cõi vô sắc.
11. Thức vô lậu thuộc phẩm loại trí.

Pháp do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, mười một thức sở duyên cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

Pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc có mười thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.
2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục.
4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc.
5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành duyên cõi khác do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi sắc.
6. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi sắc;
7. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi sắc.

8. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

9. Thức thiện và nhiễm ô - vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi vô sắc.

10. Thức vô lậu thuộc phẩm loại trí.

Pháp vô lậu có mười thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục.

2. Thức tương ứng với tùy miên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục.

3. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Dục.

4. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Diệt mà thuộc cõi Vô sắc.

5. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi sắc.

6. Thức thiện do tương ứng mà đoạn thuộc cõi sắc.

7. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi vô sắc.

8. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi vô sắc.

9. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

10. Thức vô lậu thuộc phẩm Pháp - Loại trí.

Hỏi: Mười sáu thức này, mỗi một loại có mấy tùy miên tùy tăng?

Đáp: Thức do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Tập mà đoạn. Thức do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn. Thức do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả do kiến Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành tùy tăng. Thức do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành tùy tăng. Thức do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành tùy tăng. Cõi Sắc - Vô sắc đều có năm bộ với thức cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là nên nói thức vô lậu của cõi mình, không phải là tùy miên biến hành tùy tăng, nghĩa như trước đã nói.

Lại nữa, trong này pháp sở duyên có ba mươi hai loại, đó là mười sáu pháp trước đều có hai loại. Bốn bộ trước có hai loại:

1. Tương ứng.

2. Không tương ứng.

Do tu mà đoạn có hai loại:

1. Nhiễm ô.

2. Không nhiễm ô.

Pháp vô lậu có hai loại:

1. Hữu vi.

2. Vô vi.

Hữu vi vô lậu, đó là phẩm Pháp - Loại trí; vô vi vô lậu, đó là ba Vô vi.

Thức năng duyên cũng có ba mươi hai loại, đó là mười sáu thức trước đều có hai loại. Do kiến Khổ - Tập mà đoạn có hai loại:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành.

2. Thức tương ứng với tùy miên không biến hành.

Do kiến Diệt mà đoạn có hai loại:

1. Thức tương ứng với tùy miên duyên hữu vi.

2. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô vi. Do kiến Đạo mà đoạn có hai loại:

1. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu.

2. Do tu mà đoạn có hai loại:

- Thức nhiễm ô.

- Thức không nhiễm ô.

Vô lậu có hai loại:

1. Thức vô lậu thuộc phẩm Pháp trí.

2. Thức vô lậu thuộc phẩm Loại trí.

Trong này, mỗi một pháp có những thức sở duyên như vậy, mỗi một thức có những tùy miên tùy tăng như vậy, tất cả tùy theo sự thích hợp, dựa theo trước mà nói.

Lại nữa, trong này pháp sở duyên có một trăm hai mươi loại, đó là pháp nhiễm ô thuộc năm bộ của ba cõi có chín mươi tám loại, tức là chín mươi tám phẩm tùy miên. Trong này, hoặc là tự tánh của nó, hoặc là tương ứng với nó, hoặc là nó cùng dấy khởi, đều gọi là phẩm của nó. Pháp không nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi có mười bảy loại, đó là cõi Dục bảy loại, cõi Sắc sáu loại, cõi Vô sắc bốn loại. Cõi Dục bốn loại, đó là thiên có hai:

1. Pháp thiện sinh đắc.

2. Pháp thiện gia hạnh.

Vô ký có năm:

1. Pháp dị thực sinh.

2. Pháp oai nghi lộ.
3. Pháp công xảo xứ.
4. Pháp thông quả vô ký.
5. Pháp tự tánh vô ký.

Cõi Sắc sáu loại, đó là thiện có hai, nói như cõi Dục, vô ký có bốn, trừ ra công xảo xứ, còn lại nói như cõi Dục. Cõi vô sắc bốn loại, đó là thiện có hai, nói như cõi Dục; vô ký có hai:

1. Dị thực sinh.
2. Tự tánh vô ký.

Pháp vô lậu có năm, đó là phẩm pháp trí-phẩm loại trí và ba vô tri.

Thức năng duyên có một trăm mười bốn loại, đó là thức nhiễm ô thuộc năm bộ của ba cõi có chín mươi tám loại, tức là thức tương ứng với chín mươi tám loại tùy miên. Thức không nhiễm ô do tu mà đoạn của ba cõi có mười bốn loại, đó là cõi Dục có sáu:

1. Thức thiện sinh đắc.
2. Thức thiện gia hạnh.
3. Thức dị thực sinh.
4. Thức oai nghi lộ.
5. Thức công xảo xứ.
6. Thức thông quả vô ký.

Cõi Sắc có năm, trừ ra thức công xảo xứ, còn lại nói như cõi Dục.

Cõi Vô sắc có ba:

1. Thức thiện sinh đắc.
2. Thức thiện gia hạnh.
3. Thức dị thực sinh.

Thức vô lậu có hai:

1. Thức vô lậu thuộc phẩm pháp trí.
2. Thức vô lậu thuộc phẩm loại trí.

Trong này, mỗi một pháp có những thức sở duyên như vậy, mỗi một thức có những tùy miên tùy tăng như vậy, tất cả tùy theo sự thích hợp, dựa theo trước mà nói.

Hỏi: Thức thiện sinh đắc có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Cõi Dục-sắc thì có thể duyên với ba cõi và tất cả pháp vô lậu, cõi Vô sắc thì có thể duyên với tất cả pháp hữu lậu-vô lậu của địa trên địa mình và hư không.

Hỏi: Thức thiện gia hạnh có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Cõi Dục sắc thì có thể duyên với ba cõi và tất cả pháp vô

lậu, cõi vô sắc thì có thể duyên với tất cả pháp hữu lậu-vô lậu của địa trên địa mình và hư không, cùng với pháp hữu lậu của địa dưới tiếp theo.

Hỏi: Thức vô ký-di thực sinh có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Cõi Dục-quả bất thiện thì chỉ duyên với pháp do tu mà đoạn của cõi Dục, quả thiện thì chỉ duyên với pháp của năm bộ thuộc cõi Dục. Cõi Sắc thì duyên với tất cả Pháp hữu lậu của địa dưới địa mình, có người nói chỉ duyên với pháp của năm bộ thuộc địa dưới. Cõi Vô sắc thì chỉ duyên với pháp thuộc năm bộ của địa mình.

Hỏi: Thức oai nghi lộ có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Cõi Dục thì chỉ duyên với pháp của năm bộ thuộc cõi Dục, cõi sắc thì chỉ duyên với pháp của năm bộ thuộc cõi Dục-sắc.

Hỏi: Thức công xảo xứ có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Chỉ duyên với pháp của năm bộ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Thức thông quả vô ký có thể duyên với pháp nào?

Đáp: Cõi Dục thì chỉ duyên với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, cõi Sắc thì chỉ duyên với pháp do tu mà đoạn thuộc cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Hư không phi trạch diệt là sở duyên của thức nào?

Đáp: Sở duyên của thức thiện do tu mà đoạn thuộc ba cõi.

Nhãn căn duyên thức là ba bộ của cõi Dục-Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức là bốn bộ thuộc ba cõi. Nhãn căn bao gồm năm địa của cõi Dục-Sắc, chỉ do tu mà đoạn, tám thức sở duyên trong mười sáu thức:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

4. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

6. Thức thiện và vô phú vô ký – nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

7. Thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, tức là tâm thiện cận phần của Không vô biên xứ, tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

8. Thức vô lậu, đó là phẩm Pháp-Loại trí của Khổ-Tập, thức này không phải là tùy miên tùy tăng ; cho nên nói nhãn căn duyên thức là ba bộ của cõi Dục-Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Nhãn căn duyên duyên thức, trong mười sáu thức có mười ba thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, là nhãn căn duyên duyên thức (duyên duyên là sở duyên duyên: duyên của sở duyên), duyên duyên nhãn căn (duyên với sở duyên của căn), thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục..., cho nên tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục..., cho nên tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với phẩm Pháp trí của Khổ-Tập, cho nên tất cả thức này do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

4. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức do tu mà đoạn thuộc cõi Dục..., cho nên tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

5. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc..., cho nên tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

6. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc

cõi Sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc..., cho nên tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

7. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với phẩm Loại trí của Khổ-Tập, cho nên tất cả thức này do Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

8. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc..., cho nên tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng .

9. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, cho nên tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc , và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

10. Thức tương ứng với tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức thiện do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, cho nên tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

11. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức tương ứng với phẩm Loại trí của Khổ-Tập, cho nên tất cả thức này do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng .

12. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, là nhãn căn duyên duyên thức, duyên duyên nhãn căn, thức thiện do tương ứng mà đoạn thuộc cõi Vô sắc..., cho nên tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc , và biến hành tùy miên tùy tăng.

13. Thức vô lậu thuộc phẩm Khổ-Tập-Đạo trí, là nhãn căn duyên duyên thức ,duyên duyên nhãn căn , thức hữu lậu-vô lậu, cho nên thức này không phải tùy miên tùy tăng. Vì vậy nói nhãn căn duyên duyên thức tùy miên tùy tăng thuộc bốn bộ của ba cõi.

Nhĩ-tỷ-thiệt-thân cũng như vậy , nghĩa là các căn như nhĩ-tỷ...cũng bao gồm năm địa của cõi Dục-Sắc, chỉ do tu mà đoạn giống như nhãn căn.

Nữ căn duyên thức là ba bộ của cõi Dục. Biến hành của cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức là bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành của cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn. Nữ căn chỉ do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, trong mười sáu có năm thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

4. Thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

5. Thức vô lậu, đó là phẩm Pháp trí của Khổ-Tập, thức này không phải là tùy miên tùy tăng. Vì vậy nói nữ căn duyên thức là ba bộ của cõi Dục, biến hành của cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Nữ căn duyên duyên thức, trong mười sáu thức có chín thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, là nữ căn duyên duyên thức. Duyên duyên nữ căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục..., bởi vì tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc Dục..., bởi vì tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức tương ứng với phẩm Pháp trí của Khổ-Tập, bởi vì tất cả thức này do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

4. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức do tu mà đoạn thuộc cõi Dục..., bởi vì tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng.

5. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, bởi vì tất cả thức này do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

6. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, bởi vì tất cả thức này do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

7. Thức thiện và vô phú vô ký-nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc..., bởi vì tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

8. Thức thiện do tương ứng mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức thiện và vô phú vô ký do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, bởi vì tất cả thức này do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, và biến hành tùy miên tùy tăng.

9. Thức vô lậu thuộc phẩm Khổ - Tập - Đạo trí, là nữ căn duyên duyên thức, duyên duyên nữ căn, thức hữu lậu - vô lậu, bởi vì thức này không phải là tùy miên tùy tăng. Vì vậy nói nữ căn duyên duyên thức là bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành của cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn tùy miên tùy tăng.

Nam căn và Khổ căn cũng như vậy, nghĩa là nam căn - khổ căn cũng chỉ là do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, giống như nữ căn.

Mạng căn duyên thức thuộc ba bộ của ba cõi, duyên duyên thức thuộc bốn bộ của ba cõi. Mạng căn bao gồm ba cõi - chín địa, chỉ do tu mà đoạn. Trong mười sáu thức có mười thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức thiện và vô phú vô ký - nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn thuộc cõi Dục,

và biến hành tùy miên tùy tăng. Như thức thuộc ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc - Vô sắc đều có thức thuộc ba bộ cũng như vậy, tổng cộng là chín thức. Mười Thức vô lậu, đó là phẩm Pháp - Loại trí của Khổ - Tập, thức này không phải là tùy miên tùy tăng. Vì vậy nói mạng căn duyên thức là tùy miên tùy tăng thuộc ba bộ của ba cõi.

Mạng căn duyên duyên thức, trong mười ba thức sở duyên:

1. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, là mạng căn duyên duyên thức, duyên duyên mạng căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục..., bởi vì thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn.

2. Thức tương ứng với tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, là mạng căn duyên duyên thức, duyên duyên mạng căn, thức tương ứng với tùy miên biến hành do kiến Tập mà đoạn..., bởi vì thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do kiến Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng do kiến Khổ mà đoạn.

3. Thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, là mạng căn duyên duyên thức, duyên duyên mạng căn, thức tương ứng với phẩm Pháp trí của Khổ - Tập, bởi vì thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy tăng.

4. Thức thiện và vô phú vô ký - nhiễm ô do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, là mạng căn duyên duyên thức, duyên duyên mạng căn, thức do tu mà đoạn thuộc cõi Dục..., bởi vì thức này là tất cả tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, và biến hành tùy miên tùy tăng. Như thức thuộc bốn bộ cõi Dục, cõi Sắc - Vô sắc đều có thức thuộc bốn bộ cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là thức tương ứng với tùy miên duyên vô lậu do kiến Đạo mà đoạn, duyên duyên mạng căn, thức tương ứng với phẩm Loại trí của Khổ - Tập; phần sau dựa theo đây nên biết, tổng cộng là mười hai thức. Mười ba Thức vô lậu thuộc phẩm Khổ - Tập - Đạo trí, là mạng căn duyên duyên thức, duyên duyên mạng căn, thức hữu lậu, thức này không phải là tùy miên tùy tăng, cho nên nói mạng căn duyên duyên thức là tùy miên tùy tăng thuộc bốn bộ của ba cõi.

